

Những đặc trưng trong giá cả - lạm phát năm 2007 và triển vọng năm 2008 của Việt Nam

Nguyễn Minh Phong*

*Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội,
409 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 03 tháng 06 năm 2008

Tóm tắt. Trong những năm 2007 và 2008, nền kinh tế Việt Nam phát triển trong bối cảnh mới, và do đó cũng có nhiều động thái mới... Bài báo sẽ đề cập đến những động thái mới về giá cả thị trường và các chính sách quản lý của chính phủ trong thời gian đó.

1. Từ những động thái phức tạp của giá cả thị trường

Năm 2007 là năm hội tụ hiếm có của những cơn bão tệ hại cho nền kinh tế nước ta: Bão lụt thiên tai, bão dịch bệnh truyền nhiễm và đặc biệt là cơn bão tăng giá liên tục, kéo dài và bất kham... Là một năm có nhiều nhân tố mới tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đến tốc độ tăng giá của Việt Nam nói riêng, có thể nói năm 2007 là năm đặc biệt về giá cả - lạm phát, với tốc độ tăng chung cao hơn và nhiều kịch tính hơn những năm trước.

Việc triển khai các cam kết trong khuôn khổ WTO của Việt Nam có tác động hai mặt đến giá cả: *Một mặt*, có nhiều mặt hàng do thuế nhập khẩu giảm (từ tháng 1/2007 khi gia nhập WTO chúng ta phải cắt giảm ngay 1.800 dòng thuế từ 10 đến 63%, ví dụ: dệt may phải cắt giảm 63%, rau quả từ 25 đến 40%, bia,

bánh mứt kẹo giảm 20 đến 40%), khiến nguồn cung từ nhập khẩu tăng đã góp phần hạ mức giá chung của thị trường. Trong quá trình mở cửa, thực hiện cam kết WTO, các dịch vụ tài chính ngân hàng đang và sẽ là tâm điểm thu hút sự quan tâm của nhiều phía, giới quản lý và doanh nghiệp, trong nước và nước ngoài, nhà cung cấp và nhà thụ hưởng dịch vụ, thậm chí cả các nhà đầu tư tư nhân nhỏ, lẻ tiềm năng. Về hình thức và trước mắt có thể chưa có nhiều biến động lớn trong lĩnh vực này, nhất là dịch vụ bảo hiểm. Hiện tại, ít nhiều các nhà đầu tư nước ngoài còn bị hạn chế về mức độ tự do hóa tham gia các dịch vụ tài chính - ngân hàng (TC-NH), như tỷ lệ tham gia các liên doanh TC-NH, chưa được thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoặc mức độ tổ chức kinh doanh bằng VNĐ... Song, sự hiện diện của họ ngày càng gia tăng, có thể cảm nhận thấy điều đó qua ảnh hưởng của họ trên thị trường chứng khoán, sự vượt trội của họ trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hiểm và các dịch vụ tài chính đối ngoại khác. Có nhiều cơ sở thực tế

* ĐT: 84-4-7712601

E-mail: minhphong2004@hotmail.com

cho thấy, chẳng bao lâu nữa tình hình sẽ có những chuyển động đáng kể theo chiều hướng tăng áp lực cạnh tranh thị trường khá nặng nề cho các doanh nghiệp trong nước kinh doanh các dịch vụ này, và đòi hỏi họ cần sớm xây dựng, triển khai quyết liệt hơn các đối sách thích hợp, hiệu quả cả về liên doanh, liên kết với nhau và với các đối tác nước ngoài tăng vốn, mở rộng danh mục và nâng cao chất lượng cung cấp các sản phẩm dịch vụ TC-NH, trong đó có dịch vụ bảo hiểm và tài chính đối ngoại, tư vấn tài chính. Mặt khác, cũng giống như năm ngoái, chắc chắn là việc Việt Nam trở thành thành viên 150 của WTO có tác động rất tốt đến sự khai thông và gia tăng thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, cũng như dòng đầu tư trong nước ở Việt Nam. Đến lượt mình, chính điều này đã khiến tổng cung tiền tăng lên, gây áp lực lớn tăng giá cao đột biến với nền kinh tế. Chúng ta đang và sẽ chứng kiến sự bùng nổ làn sóng đầu tư nước ngoài cả dòng đầu tư trực tiếp, lẫn dòng đầu tư gián tiếp vào Việt Nam. Có thể nói, một trong những thành công nổi bật của năm 2007 là kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng vượt trội so với những năm trước (FDI bổ sung và cấp mới trong cả năm là khoảng gần 20 tỷ USD). Điều này gắn với sự tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài về phương diện pháp lý, môi trường đầu tư, cũng như các cơ hội và triển vọng mới, to lớn về thị trường Việt Nam và khu vực sẽ mở ra ở thời kỳ “hậu WTO” của Việt Nam. Hơn nữa, việc Việt Nam tham gia WTO và được hưởng quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn trong quan hệ kinh tế với Mỹ kể từ 2007 cũng là động lực mới, mạnh mẽ thúc đẩy dòng đầu tư từ Mỹ và kéo theo nó là các dòng vốn khác từ các nhà đầu tư hàng đầu thế giới. Cải cách hành chính đã và đang có tác động tích cực đến sự gia tăng dòng vốn

đầu tư. Lấy ví dụ, chỉ bằng việc 3 cơ quan là Sở Kế hoạch Đầu tư, Thuế và Công an ngồi chung một chỗ, thực hiện cơ chế một cửa trong cấp đăng ký kinh doanh, cấp mã thuế và con dấu cho doanh nghiệp ở Hà Nội từ 01/11/2007 đã giúp giảm ít nhất 1/3 thời gian mà doanh nghiệp phải làm trong khi đăng ký thành lập doanh nghiệp mới ở Hà Nội.

Thực tế cho thấy, việc cắt giảm thuế khiến sức cạnh tranh về giá của hàng ngoại nhập tăng, và cũng với việc mở cửa rộng hơn, cũng như sự sùng bái hàng ngoại sẵn có trong người tiêu dùng, sẽ cấu thành hợp lực trực tiếp làm tăng lượng hàng ngoại nhập vào nước ta thời gian gần đây. Ngoài ra, việc dòng FDI đổ vào Việt Nam tăng cả về vốn cam kết, lẫn vốn thực hiện, cũng làm tăng nhu cầu nhập thiết bị, máy móc và nguyên vật liệu đầu vào cần thiết cho triển khai và hoạt động của các dự án này. Tuy nhiên, về tổng thể cần nhận thấy rằng việc nhập siêu lớn như vậy ở nước ta không phải là hiện tượng đột biến, mà nhập siêu gần như là bệnh mãn tính của nền kinh tế Việt Nam suốt nhiều thập kỷ nay. Điều này gắn với nhiều nguyên nhân liên quan đến năng lực sản xuất, nhu cầu nhập vật tư, thiết bị và đặc điểm tiêu dùng trong nước, đặc biệt là cả với chính sách tỷ giá của chính phủ được chỉ đạo bởi tư tưởng và truyền thống định giá cao đồng nội tệ. Kinh nghiệm thế giới, nhất là Trung Quốc và Mỹ cho thấy, một khi đồng nội tệ còn bị định giá cao hơn giá trị thực của nó thì nhập siêu là điều khó tránh khỏi. Thời gian gần đây, USD đang có xu hướng tăng giá và điều này càng thúc đẩy nhập siêu nếu chính sách tỷ giá không thay đổi.

Thực tế Việt Nam đang cho thấy việc tăng giá hàng hiện nay không phải là loại thuần túy tăng giá do cung - cầu hàng hóa, mà là sự tăng giá do tổng hợp của nhiều nguyên nhân, nhất là do tăng chi phí đẩy

xuất phát từ việc giải phóng giá cả khỏi sự kiểm soát hành chính về giá một số hàng đầu vào chủ lực của nền kinh tế, như điện, xăng dầu; Ngoài ra, còn do gia tăng tổng phương tiện thanh toán đột ngột so với năm trước gắn với sự bùng nổ Thị trường Chứng khoán và dòng vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài và lượng kiều hối. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng nhanh, nhu cầu đầu tư trong nước cũng tăng là một nguyên nhân kéo theo giá đầu vào tăng và kéo theo chỉ số giá tăng. Về lý thuyết lạm phát, thì hiện tượng lạm phát từ việc gia tăng FDI và dòng đầu tư trong nước được gọi là loại lạm phát cầu kéo và chi phí đẩy. Trong giả định các yếu tố khác không có biến động lớn, thì việc gia tăng dòng FDI và vốn đầu tư trong nước sẽ làm tăng lượng tiền và phương tiện thanh toán cần thiết trong lưu thông, cũng như tăng nhu cầu và sự cạnh tranh về nguồn vốn đối ứng, nguồn nhân lực, vật lực để triển khai các dự án đầu tư, tức dễ làm tăng giá tiền lương và các chi phí đầu tư vào khác, từ đó tạo áp lực tăng lạm phát...

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, lạm phát do tăng trưởng kinh tế nóng từ khu vực kinh tế tư nhân dù sao dễ kiểm soát và dễ chịu hơn lạm phát do đi kèm suy thoái hoặc đình trệ như ở Việt Nam và các nước chuyển đổi từ Kinh tế kế hoạch hóa sang Kinh tế thị trường những năm 80-90 của thế kỷ XX, hoặc lạm phát do tăng đầu tư từ ngân sách Nhà nước, mà nguồn vốn này là từ vốn vay nước ngoài hay vốn do phát hành thêm tiền bằng quyền lực hành chính nhà nước.

Là năm đặc biệt trong suốt hơn một thập kỷ qua, nên năm 2007 Việt Nam có mức tăng CPI cao hơn mức tăng GDP. Cần khẳng định rằng, dù sớm hay muộn, trực tiếp hay gián tiếp, thì việc tăng giá quá cao, quá nhanh sẽ gây tổn thương chung cho cả 2 nhóm là các doanh nghiệp và nhóm người tiêu dùng.

Hơn nữa, sức ép tiêu cực từ việc tăng giá sẽ không loại trừ hoàn toàn cho bất kỳ đối tượng nào trong xã hội, ngay cả những doanh nghiệp được lợi trực tiếp từ việc tăng giá bán hàng của mình (như ngành điện, xăng dầu) vì họ sẽ phải chịu sự gia tăng tiền công và những chi phí đầu vào khác cần thiết cho việc triển khai và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cả hiện tại, lẫn tương lai. Đến lượt mình, khi tăng giá vượt quá sức chịu đựng của cả 2 nhóm này thì nền kinh tế sẽ đứng trước nguy cơ bị phá vỡ các điều kiện và sự liên kết ổn định cần thiết bảo đảm cho hoạt động bình thường của nền kinh tế. Nói cách khác, chắc chắn rằng một khi cả hai nhóm các nhà sản xuất và nhóm các nhà tiêu dùng cùng chịu sức ép của lạm phát cao, thì nền kinh tế sẽ chịu sức ép của sự mất ổn định và trở nên khó kiểm soát, với một loạt hệ quả như suy giảm đầu tư, gia tăng đầu cơ, sự bột phát của hiện tượng vi phạm, phá vỡ các hợp đồng, cam kết kinh tế và đổ vỡ dây chuyền làn sóng phá sản, thất nghiệp và các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác, v.v... Ngoài ra, lạm phát cao trực tiếp làm suy giảm mức sống thực tế của người làm công ăn lương, nhất là nhóm thu nhập thấp và về hưu, từ đó có thể làm gia tăng những bức xúc xã hội và suy giảm sự đồng thuận xã hội như là điều kiện quan trọng nhất cho phát triển kinh tế. Giá cả tăng, cuối cùng bên đó, đang và vẫn sẽ phải chịu đựng nhiều thiệt thòi hơn cả là người dân, nhất là tầng lớp có thu nhập thấp và cố định... Những tín hiệu này cần được các nhà quản lý có trách nhiệm lưu tâm tiếp nhận và xử lý kịp thời, đúng đắn để giữ ổn định chung đời sống kinh tế - xã hội quốc gia như một điều kiện tiên quyết cho sự phát triển đất nước - một điều quý báu mà chúng ta đã phải trả giá đắt hàng thập kỷ mới có được và đã giữ được mấy năm nay [1].

2. Đến những bất cập trong quản lý giá cả của chính phủ

Trong bối cảnh trên, chính phủ đã có nhiều cố gắng và đã có một số kết quả về kiểm chế sự gia tăng giá cả. Tuy nhiên, dù loại trừ các yếu tố bên ngoài, khách quan (trong đó có việc tăng giá xăng dầu và một số nguyên liệu đầu vào quan trọng của nền kinh tế nước ta), vẫn có thể nhận thấy có sự liên hệ trực tiếp giữa việc tăng giá cả xã hội với chính sách điều hành giá cả thị trường trong nước thời gian qua... Đặc biệt, ở góc độ nào đó, nhất là theo yêu cầu kinh tế thị trường, thì những động thái trong quản lý giá mà chúng ta đã nhận thấy trong thực tiễn phần nào đó còn mang tính “hót ngọn”, chưa có tính chủ động và đồng bộ. Điều này thể hiện tập trung ở 3 điểm sau:

Thứ nhất, chưa có sự coi trọng đúng mức và phân biệt rạch ròi giữa yêu cầu dự báo giá cả khách quan với mục tiêu chính sách chủ quan.

Đường như Tổ điều hành giá Chính Phủ vẫn ngại ngần, thậm chí chủ quan, “lạc quan hoá” khi đưa ra mức dự báo CPI, nhất là đánh đồng giữa yêu cầu phải dự báo giá cả khách quan, phù hợp và bám sát thực tiễn thị trường trong nước và quốc tế, với tính chủ quan của chính sách mục tiêu “lạm phát ở Việt Nam không thể cao hơn mức tăng GDP” “mà Quốc hội đề ra, nên số liệu CPI thực so với số liệu CPI mà Tổ này dự báo luôn cao hơn tới 20-30% (sự sai biệt này chỉ được cải thiện trong thời gian gần đây). Rõ ràng là khi dự báo không hết, không đúng với các tình huống và mức độ chính xác không cao đã, đang và sẽ trực tiếp và gián tiếp làm giảm sự chủ động và do đó là hiệu quả của chính sách điều hành giá cả trong nước của Tổ này. Chánh sự thiếu rạch ròi này đã trở thành một nguyên nhân quan trọng khiến chính phủ liên tục bất ngờ và lúng túng trong giải mã

“bắt mạch-kê đơn” các động thái giá cả thị trường, từ đó làm giảm tính chủ động và hiệu quả của các giải pháp kiểm chế lạm phát được lựa chọn.

Thứ hai, chưa coi trọng việc tuân thủ đúng cả yêu cầu, lẫn quy trình kinh tế thị trường trong quản lý giá cả.

Sự bất cập trong điều hành giá của chính phủ còn thể hiện ít nhiều ở sự lúng túng, thậm chí chưa rõ ràng trong việc thiết lập cơ chế thị trường cạnh tranh đầy đủ có sự kiểm soát một cách hiệu quả đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chưa tự do hóa cao như ngành than và kinh doanh xăng dầu, và một số mặt hàng khác. Nói một cách cụ thể là phải tạo ra sự cạnh tranh đầy đủ và lành mạnh trong việc cung cấp các sản phẩm và nguyên, nhiên liệu đầu vào thiết yếu của nền kinh tế, rồi mới bãi bỏ sự kiểm soát hành chính về giá cả. Như thực tiễn chỉ ra rằng, nếu chỉ trả giá cả về cho thị trường, mà không trả sự cạnh tranh cần thiết về cho thị trường trong việc hình thành giá cả, là dễ tạo ra sự lạm dụng và mang lại lợi ích độc quyền kép cho các doanh nghiệp đang hoặc gần như độc quyền kinh doanh các mặt hàng này. Nói cách khác, hiện chúng ta đang bất cập ở chỗ chưa thực sự cho cạnh tranh thị trường đầy đủ trong việc cung cấp nhiều mặt hàng như dầu mỏ, điện, ô tô, thuốc chữa bệnh, v.v... trong khi các doanh nghiệp cung ứng chúng lại được phép định giá theo thị trường. Đáng lẽ cần làm ngược lại, phải cho cạnh tranh đầy đủ trên thị trường rồi nhà nước mới buông giá, để bàn tay vô hình của thị trường làm đúng chức năng của mình...

Cần nhấn mạnh rằng, việc trả giá cả về cho thị trường quyết định là sự cần thiết khách quan, xong việc này phải đi đôi với việc trả sự cạnh tranh về cho thị trường, đồng thời nâng cao năng lực và hiệu quả trên thực tế của chính phủ trong công tác giám sát,

kiểm soát và xử lý sự độc quyền và các vi phạm về giá từ phía các doanh nghiệp và các bên có liên quan. Thực tế cho thấy, cần tăng cường công tác kiểm toán giá và các chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp độc quyền hoặc gần như độc quyền để giảm thiểu các chi phí không hợp lý, làm giảm giá thành đầu ra của các sản phẩm của chúng, từ đó giúp giảm giá đầu vào của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, góp phần hạ mức giá chung và nâng cao sự lành mạnh của thị trường và sự bình đẳng của xã hội, ngăn chặn hiện tượng lạm dụng trục lợi cá nhân, thậm chí biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp, phường hội và phe nhóm...

Thứ ba, chưa coi trọng sự phối hợp ăn khớp cần có giữa các cơ quan chức năng và các loại công cụ chính sách.

Vừa qua, các cơ quan liên ngành mới chỉ tập trung vào các giải pháp về tài chính, còn nhóm giải pháp về tiền tệ thì khá mờ nhạt, cũng như chưa có sự đồng bộ, nhất quán giữa việc ban hành, triển khai, giám sát, kiểm tra và chế tài hiệu quả các vi phạm chính sách trên thực tế, nhất là giữa ngành tài chính với ngân hàng, đặc biệt trong việc sử dụng các công cụ lãi suất, hạn mức tín dụng, dự trữ bắt buộc, dự trữ ngoại hối và chính sách thuế, chính sách nợ chính phủ... điều này đã tạo điều kiện cho lạm phát tăng cao. Năm 2007 và nửa đầu năm 2008, lãi suất ngân hàng luôn thực âm - tức lãi suất các ngân hàng thương mại thấp hơn mức lạm phát, người gửi tiền tiết kiệm bị thiệt thòi lớn - điều mà suốt từ năm 1993 đến nay mới lại xảy ra. Vì thế, có thể nói, năm 2007 là năm lặng lẽ và bội thu của khu vực ngân hàng Việt Nam. Việc nghiêng về phát hành trái phiếu quốc tế để thu hút ngoại tệ, trong khi lượng trái phiếu đó có thể được phát hành trong nước để hút ngoại tệ và lượng tiền dư thừa cũng là một bất cập khác...

Ngoài ra, mặc dầu chính phủ đã có nhiều quyết tâm và chỉ đạo cần thiết trong công tác quản lý giá, trong đó có việc áp dụng các chế tài đối với các vi phạm về giá, nhưng có thể thấy hiệu quả thực tế của các biện pháp chế tài xử lý những vi phạm về giá hiện nay là rất hạn chế, chưa đủ sức răn đe. Điều này thể hiện ở sự phổ biến rộng rãi các vi phạm về quản lý giá ở các lĩnh vực và địa bàn trên cả nước, trong khi số lượng các vụ vi phạm về quản lý giá được nhận diện và đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm túc thì ít ỏi. Điều này còn thể hiện ở mức hậu quả mà người vi phạm các quy định về quản lý giá phải gánh chịu còn thấp và chưa toàn diện ...

3. Và một số dự báo cho năm 2008

Về triển vọng, năm 2008 sẽ có nhiều động thái tương tự như năm 2007, nhưng ở trong nước thì các yếu tố tích cực sẽ nhiều hơn yếu tố tiêu cực liên quan đến giá cả. Còn ở ngoài nước, sẽ xuất hiện một số nhân tố mới, tiêu cực và có liên quan trực tiếp đến động thái giá cả trong nước, như tình trạng kinh tế khu vực và thế giới phát triển chậm lại, trong khi lạm phát ở nhiều nước có xu hướng gia tăng, từ đó làm tăng nguy cơ lạm phát nhập khẩu và khó khăn về thị trường xuất khẩu của Việt Nam. Sự cạnh tranh kinh tế sẽ ngày càng gay gắt hơn, nhiều động thái kinh tế trái chiều sẽ diễn ra cả trong kinh tế đối nội, lẫn đối ngoại... Về cơ bản, nền kinh tế tiếp tục nhận được những xung lực mới, mạnh mẽ, tích cực để phát triển ngoạn mục hơn. Về giá cả, sẽ tiếp tục có sự giảm giá các hàng trong diện cắt giảm thuế trong khuôn khổ WTO; Sẽ có sự tăng giá ở những mặt hàng thuộc diện được "giải phóng" khỏi sự kiểm soát giá cả từ phía nhà nước, như điện, xăng dầu, thuốc và sắt thép, v.v... Giá những mặt hàng gắn với thị trường và cạnh tranh đầy đủ sẽ điều

chinh theo xu hướng thị trường và có xu hướng giảm. Đồng thời, những mặt hàng có nguy cơ tăng giá tiêu cực theo kiểu “tê nước theo mưa” sẽ bao gồm:

- + Nhóm các sản phẩm do doanh nghiệp định giá và vẫn chưa chịu sức ép cạnh tranh thị trường đầy đủ, như điện, xăng dầu, thuốc...

- + Nhóm những mặt hàng có đầu vào là các mặt hàng có giá tăng theo giá thế giới hoặc vừa được bãi bỏ, giảm kiểm soát của Chính Phủ (ví dụ ngành vận tải sử dụng xăng, dầu ngành chế biến dùng điện mua từ ngành điện)

- + Nhóm các mặt hàng lương thực, thực phẩm và các dịch vụ dân sinh, nhất là các dịch vụ đô thị...

Về tổng thể, một mặt bằng giá mới trong nước đang hình thành và sẽ ổn định hơn, sẽ không có lạm phát phi mã tiêu cực hoặc đột biến nguy hiểm lớn, gây đổ vỡ hay ngưng trệ nền kinh tế nước ta.

Về mức lạm phát, sẽ có mức CPI cao hơn năm 2007 và đạt từ 23-25%. Đây là mức độ hợp lý trong năm 2008 mà Việt Nam có thể thực hiện được. Nhưng để thực hiện được điều này còn phụ thuộc rất lớn vào quyết tâm của Chính phủ [2].

Trong bối cảnh tăng giá đầu vào, doanh nghiệp sẽ hoạt động gặp nhiều khó khăn hơn do đội giá đầu vào và nguy cơ điều chỉnh, đổ vỡ các hợp đồng đã ký, thậm chí có khả năng phá sản nếu không kịp thời thích ứng hiệu quả. Xử lý như thế nào là tùy thuộc hoàn cảnh, năng lực cụ thể, kể cả kỹ năng đàm phán, thương lượng để giữ ổn định giá cả cũng như các điều kiện kinh doanh khác của từng doanh nghiệp. Trong bất luận trường hợp nào, doanh nghiệp vẫn cần giữ vững chữ “tín” để lấy chỗ làm ăn lâu dài. Hơn nữa, cần thấy rằng về tổng thể, các điều kiện và môi trường kinh doanh của Việt Nam và thế giới

vẫn cơ bản là thuận lợi và sẽ ngày càng tốt hơn trong thời gian trung hạn.

Để bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh giá tăng, nhất là tăng không theo quy luật, thì vai trò trước hết thuộc về nhà nước. Điều này cần được cụ thể hóa bằng chính sách tiền lương mềm dẻo hơn, chính sách quản lý thị trường nghiêm khắc và hiệu quả hơn, chính sách an sinh xã hội đầy đủ, đa dạng và thiết thực hơn; đồng thời, có chính sách về thông tin thị trường và quản lý nhà nước minh bạch đầy đủ, cập nhật và thuận lợi hơn, trong đó đặc biệt cần coi trọng việc tạo ra cơ chế cạnh tranh thị trường ngày càng đầy đủ, bám sát các nguyên tắc thị trường, các cam kết hội nhập và thông lệ quốc tế... Ngoài ra, nhằm bảo vệ và tự vệ hiệu quả mình trước các thông tin và hành vi phi thị trường của nhà kinh doanh, nhất là của các kẻ “đục nước béo cò”, thì Hội bảo vệ người tiêu dùng, cũng như bản thân người tiêu dùng cần trở nên chủ động và hiểu biết hơn trong việc đưa ra các quyết định về mua sắm, nhất là về mức giá và chất lượng các sản phẩm và dịch vụ. Bên cạnh việc thúc đẩy sản xuất trong nước, thì việc giảm nhanh thuế nhập khẩu và khuyến khích nhập khẩu bổ xung các mặt hàng đang khan hiếm, cũng như khuyến khích điều chỉnh cơ cấu và quy mô tiêu dùng chung bằng các mặt hàng và sản phẩm thay thế tương đương, giá rẻ hơn hoặc dễ tìm kiếm hơn, là việc làm cần thiết cho các bên có liên quan.

Hy vọng, trước các sức ép khách quan, chính phủ sẽ cho phép kinh doanh tự do cao hơn và có nhiều đột phá chính sách cụ thể và hiệu quả hơn liên quan đến tạo lập đồng bộ các cơ chế thị trường. Cần nhấn mạnh rằng, nếu thiếu sự cạnh tranh đầy đủ và sự kiểm soát hiệu quả khác của chính phủ, thì việc năm 2008, các doanh nghiệp độc quyền, lợi dụng sự biến động giá cả thị trường thế giới

tạo cơ hội thu lợi nhuận không chính đáng cho mình là điều có thể xảy ra, nếu Chính phủ cho phép tự do hóa cạnh tranh cao hơn sẽ tạo ra sức ép giảm giá rất lớn. Về nguyên tắc và dài hạn, để kinh tế trong nước phát triển nhanh và hiệu quả hơn, phải thực hiện đúng các yêu cầu của quy luật kinh tế thị trường và các cam kết WTO, phải cho các doanh nghiệp kinh doanh tự do nhiều hơn, cạnh tranh đầy đủ và lành mạnh hơn. Đặc biệt, cần giải quyết được bài toán tăng lương, nhất là để tránh khỏi vòng luẩn quẩn định mệnh: Tăng lương - Tăng giá - Tăng lương... thì không nên biến việc tăng lương thành các làn sóng toàn xã hội, mà hãy trả chuyện tăng lương thành chuyện bình thường và mang yếu tố thị trường của từng khu vực, ngành, công đoàn và của doanh nghiệp trong sự trọng tài và kiểm soát chung của chính phủ, cũng như sự tham gia tích cực hơn của các hiệp hội và công đoàn. Bên cạnh đó, cần có cơ chế tăng nhập khẩu bổ sung các mặt hàng thiết yếu và nhạy cảm có quyền số lớn trong rổ hàng hoá tính CPI, như thực phẩm... Những cải cách hành chính mạnh mẽ về thể chế và thủ tục, cũng như nhân sự cần được thúc đẩy hơn nữa từ trên xuống trong tương lai...

Quan trọng nhất là cần có sự phối kết hợp đồng bộ giữa các cơ quan liên quan trong việc dự báo và đưa ra phương án, thực thi các chính sách và giải pháp phòng ngừa việc tăng giá. Trong thời gian tới, cần tăng cường hơn nữa các hoạt động điều chỉnh nâng mức phạt tài chính đối với các vi phạm về giá (bao gồm truy thu toàn bộ xung công quỹ các khoản thu tài chính có được do vi phạm các quy định về quản lý giá hiện hành, đồng thời phạt bổ xung bằng tiền, ví dụ, có thể tới 50% số này. Ngoài ra, cần đổi mới công tác cán bộ theo hướng nâng cao năng lực và trách nhiệm cá nhân, áp dụng thêm các chế tài hành chính, như kỷ luật, cách chức, cấm đảm

đương trách nhiệm, kể cả xử lý hình sự nghiêm khắc khác đối với người đứng đầu và có liên đới trách nhiệm khác nếu vi phạm pháp luật quản lý kinh tế-thị trường... Công tác kiểm toán giá bằng các công ty chuyên nghiệp, đủ tiêu chuẩn cần được coi trọng và thực hiện nghiêm túc, phổ biến và thường xuyên hơn, nhất là đối với các công ty độc quyền hoặc chưa phải đặt trong sự cạnh tranh thị trường đầy đủ. Các cơ quan, đơn vị và đoàn thanh tra giá cần hoạt động thường xuyên và có tính chuyên nghiệp cao; có thể bổ xung nhiệm vụ điều tra và xử phạt về vi phạm giá cho cơ quan Thuế (cảnh sát thuế) và gắn với chức năng thu thuế của cơ quan này. Đồng thời, cần tăng cường năng lực và hiệu lực công tác tư pháp liên quan đến quản lý giá; áp dụng chế độ thưởng vật chất thích đáng để khuyến khích các hoạt động phát hiện, xử lý kịp thời và hiệu quả các vi phạm về quản lý giá.

Về dài hạn, yêu cầu về tổ chức lại nền kinh tế và các doanh nghiệp trong nước sẽ cấp thiết hơn nhằm tăng sự hợp tác, gắn kết, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, cũng như toàn bộ nền kinh tế.

Đặc biệt, cần quan tâm giải quyết tốt nhu cầu cần về xây dựng, củng cố và phổ biến rộng rãi nhận thức về các giá trị xã hội chuẩn chung nhằm tạo sự đồng thuận xã hội rộng rãi trong nước và quốc tế, kể cả với Việt Kiều, tạo thước đo tin cậy trong định hướng, đánh giá các hoạt động kinh tế - xã hội, cũng như nhu cầu về xây dựng các thiết chế đủ hiệu lực bảo vệ, phát huy hiệu quả các nguồn lực và sức mạnh của quốc gia, của các địa phương và doanh nghiệp trong nước và quốc tế cho phát triển bền vững. Việc tham gia WTO cũng vừa là biểu hiện, vừa là phương tiện để chúng ta đạt được mục tiêu đó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Minh Phong, “Lạm phát và Giảm phát- Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam”, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2000.
- [2] Niên giám thống kê và báo cáo kinh tế - xã hội năm 2007 và những tháng đầu năm 2008 của Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

New features on the market and inflation in 2007 and prospects in 2008 of Vietnam

Nguyen Minh Phong

*Ha Noi institute for socio-economic development studies,
409 Kim Ma Street, Hanoi, Vietnam*

For the year 2007 and 2008, Vietnam economy has developed in a new economic background and had a variety of dynamics. The new dynamics on market price and Government's policies is discussed in the article.